THÔNG BÁO
TRIẾT HỌC

22

VIỆN TRIẾT HỌC

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

1971

BÀI «NÚI KIM NHAN» CỦA BÙI DƯƠNG LỊCH HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM DUY TÂM CỦA NGUYỄN THIẾP VÀ CỦA MỘT SỐ NHÀ NHO ĐƯƠNG THỜI.

CHƯƠNG THÂU

Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XVIII là một thời kỳ bão táp của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, một thời kỳ đã chứng kiến sự sụp đổ của chế độ phong kiến và sự trỗi dậy của quần chúng nông dân. Tình hình đó đã chi phối toàn bộ xã hội, tạo nên những chuyển biến phức tạp trong đời sống tinh thần của các tầng lớp và các giai cấp. Sự khủng hoảng về kinh tế, chính trị và xã hội đó dẫn đến sự bế tắc trong hệ tư tưởng của nó là Nho giáo. Phật giáo lại có dịp «phục hồi» nhưng Phật giáo đã thành một vị thuốc ru ngủ, an thần đối với những nhà nho tiêu cực, thất vọng trước cảnh đổ nát của mọi kỷ cương cũ. Cùng với Phật giáo, Đạo giáo cũng được một số quần chúng nhân dân khổ cực tin theo, hy vọng tìm thấy ở đó một lối giải thoát, trong khi đó một số nhà nho vẫn quanh quẩn với đạo lý cũ kỹ, lặp đi lặp lại những tư tưởng tiêu cực của Tống nho và đưa vào nho giáo một số

quan điểm thần bí. Không ít những nhà trí thức ở thế kỷ XVIII như Lê Quý Đôn, Đoàn Thị Điểm, Vũ Phượng Đề v.v... trong nhiều tác phẩm của mình đã tỏ ra là những người chịu ảnh hưởng tư tưởng duy tâm thần bí ấy (1). Và đến cả Nguyễn Thiếp (1723 — 1804), một người khá tiêu biểu cho lớp nho sĩ đương thời, được mệnh danh là người đạo cao đức trọng, đáng được hâm mộ nhất, cũng đã có những quan điểm duy tâm mê tín không kém gì nhà nho khác. Phần lớn cuộc đời ông sống ẩn dật nơi trại núi. Ông có dạy học trò, cũng có làm nghề bốc thuốc chữa bệnh, làm thầy địa lý và cũng có tu tiên, luyện đan v.v... Ông cũng có để lại *tập thơ Hạnh am*, trong đó cũng chứa đựng tư tưởng « tin chuyện lạ đời ».

Trong khi đó, một nhà nho khác, Bùi Dương Lịch (1757 — 1827) cũng xuất thân từ khoa bảng, là một vị hoàng giáp của triều Lê, trước tình cảnh « vận nước gặp cơn truân bĩ » ấy, tuy không theo được phong trào nông dân, nhưng ông đã có một số suy nghĩ về những vấn đề thiết thực của cuộc sống, và cũng do tiếp thu được ít nhiều kiến thức khoa học phương Tây, nên đã có một số quan điểm duy vật rất đáng quí, mặc dầu ông chưa thoát ra khỏi khuôn khổ Nho giáo. Những ý kiến của ông đã có một tác dụng nhất định trong việc khuyến khích những quan điểm duy vật của thế kỷ XIX

(1) Lê Quý Đôn đã từng viết thiên *Linh tích* trong *Kiến văn tiểu lục*, hoặc soạn *Âm chất văn chú*... chứa đựng nhiều tư tưởng mê tín, thần linh ma quái. Đoàn Thị Điểm cũng đã viết *Truyền kỳ tân phả*, kể nhiều chuyện ma quái. Vũ Phượng Đề cũng soạn cuốn *Công dư tiếp ký*, kể nhiều chuyện hoang đường quái đản.

Ở thế kỷ XVIII cũng còn nhiều tác phẩm « tùy bút » (*Vũ trung tùy bút*) « Ký văn » (*Thoái thực ký văn*)... có những tư tưởng tương tự.

sau đó. Những bài viết của Vũ Phạm Khải và Cao Bá Quát nhằm chống mê tín và dị giáo không chịu ảnh hưởng ít nhiều quan điểm của Bùi Dương Lịch (1).

Các nhà nho duy tâm tỏ ra khá tin những chuyện «truyền kỳ», «linh tích», «linh khí». Nguyễn Thiếp cũng tin theo «truyền thuyết» trong dân gian về *Núi Kim Nhan* ở Nghệ An là có «dải hồng quang» mang theo «linh khí tinh anh» của các vị đế vương tướng soái, cho nên gọi núi ấy là núi «Thu tinh». Ông có làm bài thơ *vịnh Kim Nhan* (1791) trong đó có hai câu:

«Thu tận tinh linh khí,
An-nam tiểu Thái-sơn».
(nghĩa: *Thu hết mọi linh khí tinh anh;*
Đây là núi Thái-sơn nhỏ của nước Nam).

Từ cái «linh khí tinh anh» này và từ cuộc sống «xuất thế» tu tiên, thờ Phật, tin phong thủy của Nguyễn Thiếp, cũng như từ sự tin theo những truyền thuyết hoang đường quái dị khác của người đương thời, đã làm cho nhà nho Bùi Dương Lịch thấy cần phải lên tiếng tranh biện lại. Theo ông, những tư tưởng «mê tín dị đoan» ấy là không đúng với tư tưởng Nho giáo chính thống, là trái với «nguyên đạo» của thánh hiền. Vì vậy trong cuốn địa lý lịch sử viết về Nghệ An tức cuốn *Nghệ An ký* (2), khi viết về *Núi Kim Nhan*, Bùi Dương Lịch với quan điểm triết học đối lập với cách trình bày theo lô-gích khá chặt chẽ, đã bác bỏ quan điểm duy tâm của Nguyễn Thiếp và của các nhà nho đương thời.

---

(1) Xem các bài *Biện dị luận*, *Biện hoặc luận* của Vũ Phạm Khải và một số thơ văn chữ Hán của Cao Bá Quát viết theo chủ đề tương tự.

(2) Quyển *Nghệ-an ký* của Bùi Dương Lịch viết khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Bản chữ Hán của Thư viện khoa xã hội, ký hiệu 306. Bản dịch của tài liệu đánh máy của Khoa lịch sử trường Đại học Tổng hợp Hà-nội.

Bài *Núi Kim Nhan* dài đến hơn 4.000 chữ, ý nghĩa khá phong phú. Trong đó có mấy vấn đề có ý nghĩa triết học, mà chủ yếu và trung tâm là vấn đề *khí* hay *khí nhất nguyên*. Khí lại có khí thanh thuần và khí trọng trọc, khí tinh anh và khí âm u, mỗi thứ có tính chất và tác dụng khác nhau, song chung qui vẫn là do *nhất khí* mà ra. *Khí* có liên quan đến sự sinh diệt của thế giới, sự sống và sự chết của con người và vạn vật. *Khí* cũng liên quan đến sự « linh thiêng », sự « cầu và ứng » do kết hợp của âm dương... « Khí « là chủ thể của tất cả. Linh hồn (tinh thần) cũng là khí. Do đó mọi sự tin Phật, tin Đạo, tin những điều hư truyền, đều là những ý tưởng sai lầm của « ngu phu ngu phụ » (dân gian) và của cả một số bậc thức giả « thông hiểu » nghĩa lý kinh điển thánh hiền. Câu kết thúc bài biện luận của Bùi Dương Lịch là :

« Thu tinh là một chuyện hoang đường,
Truyền mãi đến nay nhiều người mê hoặc chưa tỉnh ngộ ».

☆

Lập luận chính của Bùi Dương Lịch trong bài *núi Kim Nhan* về vấn đề *khí* là xuất phát từ cơ sở triết học của *Dịch lý*. « Khí », theo như lý luận triết học phương Đông cổ đại, là một khái niệm biểu thị đặc tính vật chất, nhằm khái quát đặc tính chung nhất của các vật tồn tại. Nó là vật chất tinh vi nhất, nó không biến chuyển theo ý chí của con người, nó phản ánh một cách sâu sắc tính thực tại khách quan của vật chất. Khí ấy vô hình, không thể trực tiếp dùng mắt để nhìn, sự tụ họp hay phân tán của khí đều là những hình tượng tạm thời. Sự sinh diệt biến hóa của thế giới vạn vật chỉ là sự

thay đổi hình thức, còn bản chất chỉ là sự vận động của *một khí* mà thôi. Bùi Dương Lịch cũng nói : « *Khí nhất nguyên* lưu hành ở trong khoảng trời đất, sinh không thôi mà tiêu cũng không cùng. Sinh rồi lại tiêu, tiêu rồi lại sinh. Lý làm chủ, khí làm dụng. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, gió mưa, sương móc, nước lửa, đất đá, chim muông, cỏ cây, khuất thân, đi lại, đều là *khí* ấy »(1).

Các nhà triết học có tư tưởng duy vật đời Tống ở Trung Quốc cũng từng nói đến « khí » có tính chất như vậy. Chu Đôn Di đã giải thích và phát triển tư tưởng « khí » của *Kinh Dịch* cho rằng khí nhất nguyên là nguyên khí hỗn độn khi trời đất chưa chia, khí đó không có sắc, không có hình, cực kỳ vi diệu. Ở đây, Bùi Dương Lịch cũng đã tiếp thu tư tưởng đó. Cho nên trước đó, vào khoảng năm 1787 khi soạn *quyển Bùi gia huấn hài* (sách dạy trẻ của gia đình họ Bùi), ông cũng đã viết : « Khởi số chưa đầu từ đời thượng cổ, nguyên khí hỗn độc, tượng và hình ra, thế gọi là « thái cực » (2).

Từ lý luận về thái cực, khí nhất nguyên, Bùi Dương Lịch trong bài *núi Kim Nhan*, đã tranh biện với Nguyễn Thiếp về cái gọi là *linh khí tinh anh*, tức là sự linh thiêng của khí tinh anh ; về vấn đề có hay không có sự linh thiêng của các vị đế vương tướng soái, cũng có nghĩa là có hay không có linh hồn bất tử ?

Bùi Dương Lịch cho rằng có khí tinh anh, cũng như có khí âm u (hắc ám), có khí thanh thuần, khí trọng trọc. Đó đều là các « ban dạng » của *nhất khí*. Ông nói « Sáng lập lòe lấp lóe gọi là kinh tinh. Dư khí của khí

---

1) Bùi Dương Lịch : *Nghệ-an ký*. Bài *núi Kim nhan*. Bản dịch của Đoàn Thăng. Tài liệu đánh máy của Khoa Lịch sử trường Đại học Tổng hợp Hà-Nội.

2) Bùi Dương Lịch : *Bùi gia huấn hài*. Bản dịch của Trần Lê Nhân. Bản chép tay. Tài liệu của Tổ Lịch sử Triết học, Viện Triết học.

dương, ngưng đọng tụ lại những tinh anh »(1); Và như vậy thì hiện tượng « tinh lạc » (sao sa) thành một « dải hồng quang », thường thấy ở núi Kim Nhan chẳng có gì là lạ. Đó chẳng qua là « khí âm dương ngẫu nhiên ngưng tụ » va chạm mạnh mà thôi.

Vậy còn có sự linh thiêng nhập vào khí tinh anh để thành « tinh linh khí » hay không? Bùi Dương Lịch trả lời rằng: không. Vì « Trong khoảng trời đất, không vật nào là không có khí. Còn khí thì còn vật, hết khí thì hết vật » (2). Bùi Dương Lịch phủ nhận cái gọi là « tinh linh khí » (của truyền thuyết) lơ lửng tách khỏi con người (đế vương tướng soái) khi đã chết mà cho rằng con người chết đi thì khí (kể cả khí tinh anh) cũng hết. Hơn nữa cái gọi là linh khí ấy càng không thể rơi vào hang núi đá được. Đá đã là một vật thể, trong đó khí đã bão hòa rồi, thì làm sao mà còn có thể thu nhận thêm khí tinh anh được nữa? Mặt khác, như Bùi Dương Lịch nói ở trong bài, nếu khí tinh anh vào được hang, thì hang đá độ sâu có hạn cũng không thể nào chứa hết khí tinh anh của bao trăm đời xưa đến nay được.

Từ vấn đề trên, bài *núi Kim Nhan* cũng đã đề cập đến sự sống và sự chết. Bùi Dương Lịch viết: « Âm dương phôi thai, khí huyết sinh ra ấy là tính, ôn hòa sinh ý ấy là khí. Hợp tính và khí thì sinh ra hình... Đến lúc già nua, đau ốm, khí ấy dần dần tan đi, tan hết thì người chết. Chết thì khí tan và bay lên gọi là « du hồn làm biến ». Nhưng cái biến ấy không phải là một khối ngưng kết, tấn tốc bay đi tìm một chỗ để ở. Ví như lửa. Lửa tắt thì khói bay đi. Trước đậm sau nhạt, trước dày sau thưa, từ gần đến xa, biến đổi dần dần » (3). Và « một khi khí ấy đã tan, thì không còn linh thiêng nữa » (4).

1) Bùi Dương Lịch: *Bùi gia huấn hài*. Tài liệu đã dẫn.
2) Bùi Dương Lịch: *Bài Núi Kim nhan*. Tài liệu đã dẫn.
(3) (4) Bùi Dương Lịch: Bài *Núi Kim Nhan*. Tài liệu đã dẫn.

Cũng có thể nói rằng, ở đây Bùi Dương Lịch đã quan niệm được « chết là hết », chết là không còn cái linh hồn phiền diễu ngoài thể xác nữa.

Bùi Dương Lịch cũng dùng sự vận động của « khí » để nói *vấn đề qủy thần* như sau : « Qủy thần là dấu vết của tạo hóa, chứ không phải quỷ thần do hồn khí của người chết ngưng tụ thành ra và làm những điều quái gở như người đời thường nói. Cho nên khí ấy sinh sinh tiêu tiêu, thiên biến vạn hóa, mà tình trạng hiện ra. Khi ấy lưu hành, dương thì thủ xướng, âm thì liễm xúc, thiên đàm làm dịch lệ, trệ kết làm tai quái, cái gì cũng phải có chủ tể. Phúc không phải cầu mà được, họa không phải cúng mà khỏi » (1). Ý kiến của ông về vấn đề này, có ý nghĩa như là muốn chấm dứt một mối lo thường xuyên, một thứ mê tín từng làm mất nhuệ khí con người, làm giảm sự chú tâm vào sức người và cuộc sống của xã hội đương thời.

Như vậy là đối với cả mấy vấn đề « linh khí tinh anh », « linh hồn bất tử », « sống chết », « qủy thần », Bùi Dương Lịch đều dùng khái niệm « nhất khí » cũng tức là « thái cực » của *Kinh Dịch* để bác bỏ. Những lời biện thuyết vừa dẫn ở trên cho phép chúng ta nói rằng, khác với Nguyễn Thiếp và một số nhà nho mê tín chuyện lạ đương thời, Bùi Dương Lịch trong lập luận của mình đã tỏ ra gần với khoa học, gần với quan điểm duy vật hơn. Như khi họ Bùi khẳng định tính « bất khả nhập » của vật chất, tính « vô tư vô vi » của âm dương (cũng có nghĩa là tính độc lập của vật chất đối với ý thức). Bùi Dương Lịch phủ định thuyết linh hồn bất tử, phủ định sự mê tín qủi thần và ông đã cắt nghĩa sự sống, sự chết bằng một quá trình vận động qua lại của âm dương. Xét cho cùng, như chúng ta đã biết, « khí » âm dương (gốc từ « nhất

(1). Bùi Dương Lịch : Bài *Núi Kim Nhạn*

khí », « thái cực ») trong triết học cổ đại phương Đông là một phạm trù tư tưởng triết học rất cơ bản để nhận thức các hiện tượng tự nhiên và lý hội tính qui luật của nó. Nó là sản phẩm của sự quan sát những đặc tính vật lý và hóa học của những yếu tố vật chất, những hiện tượng tự nhiên và những quan hệ tác động tương hỗ giữa chúng. Nó cũng là sản phẩm của một cách tổ chức và hệ thống hóa sơ bộ những hiện tượng tự nhiên. Nó là một thứ chủ nghĩa duy vật thô sơ, mang yếu tố biện chứng tự phát. Tư tưởng âm dương là mầm mống của tư duy khoa học, nhưng nó còn liên hệ mật thiết với những ảo tưởng tôn giáo và thần thoại, do đó có thể phục vụ cho tư tưởng chống tôn giáo (mà ở đây người sử dụng nó là Bùi Dương Lịch) và cũng có thể phục vụ cho tư tưởng tôn giáo thần bí (như Nguyễn Thiếp và một số nhà nho khác đã tin theo).

☆

Nhưng trong khi biện thuyết về hiện tượng « thu tinh » ở *Núi Kim Nhan*, Bùi Dương Lịch đã không dừng lại ở mấy vấn đề trên. Ông còn tiến hơn một mức, phê phán luôn cả những tư tưởng mê tín tôn giáo đương thời nữa.

Bùi Dương Lịch đã từng nói : « Không nên đề cao thuyết hư vô tịch diệt của họ Lão, họ Thích. Hãy đề công phu mà nghiền ngẫm về thầy Tăng, thầy Nhan... chỉ có đạo Thánh là mài không mòn, bôi không nhọ mà thôi. Còn như Phật, Lão là một mực thoái hóa phải vứt bỏ hẳn đi » (1). Ông công khai bài bác đạo Phật, đạo Lão và chủ trương chỉ tôn thờ đạo Khổng mà thôi. Ông đứng hẳn trên lập trường nho giáo chính thống để đả kích những người

(1) Bùi Dương Lịch: *Ốc lậu thoại thi văn*. Bản dịch của Đỗ Ngọc Toại. Tài liệu chép tay của Tổ Lịch sử Triết học. Viện Triết học.

nào, những tôn giáo nào khác với truyền thống Đạo học mà ông hằng tôn thờ. Cho nên khi viết bài biện thuyết về *Núi Kim Nhan*, ông cũng chĩa cả mũi nhọn vào Phật giáo.

Ông nói: « Thuyết Di giáo cho rằng, người sinh ra ở đời, thể phách tuy hủ nát tiêu tán, nhưng linh hồn vẫn tồn tại mãi mãi, chẳng vào thiên đường thì vào địa ngục, lúc làm kiếp người, lúc làm kiếp vật luân hồi đi lại. Thuyết ấy thật là hoang đường, không thể tin được »(1).

Và để bác bỏ thuyết « luân hồi của di giáo » từng chủ trương « tinh khí ngưng kết », Bùi Dương Lịch lại trở lại thuyết « nhất khí » vận động của mình. Ông nói rõ thêm rằng:

« Khí tụ thì sinh, khí tan thì chết. Sinh thuận chết yên. Sinh không nói từ đâu lại, chết không nói đi đâu. Không thấy lại mà lại, thì lại đến chỗ có. Không thấy đi mà đi, thì đi đến chỗ không. Suy nguyên từ cái sinh, yếu hội chung mạt cái tử. Làm vật, làm biến đều do *một khí* làm ra. Đó là những lời giáo huấn của thánh hiền, chứ chưa từng nghe nói tinh khí ngưng kết như thuyết luân hồi của dị giáo » (2)... « Đó là lẽ đương nhiên, chứ không phải hồn khí ngưng kết, suốt đời không tan, như thuyết bất sinh bất diệt của di giáo » (3).

Hoặc như khi nói về hiện tượng « tinh lạc » và « tiếng âm», Bùi Dương Lịch cũng lại nhằm vào « dị giáo » mà nói là:

« Hoặc cũng có sao sa, khí độc ngẫu nhiên đi qua núi ấy mà rơi xuống hay là va chạm vào núi ấy mà thành tiếng kêu. Nguyên người đời vẫn có mê tín về dị giáo và cái mê tín ấy đã ăn sâu vào trong óc, nay thấy những sự ấy thì tin ngay ». (4)

---

(1) Bùi Dương Lịch: Bài *Núi Kim Nhan*. Tài liệu đã dẫn.
(2) (3) (4) Bùi Dương Lịch: *Nghệ An ký*. Bài *Núi Kim Nhan*: Tài liệu đã dẫn.

Việc phê phán Đạo giáo và Phật giáo (mà ở đây Bùi Dương Lịch đã dùng lại thuật ngữ « dị giáo » của Hàn Dũ đời Đường) của ông không phải chỉ là sự lắp lại cách phê phán như của người xưa. Ngay từ giữa thời Trần, các kiện tướng Nho giáo như Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh đã từng tấn công quyết liệt Phật giáo. Vì từ lúc bấy giờ, Phật giáo đã trở thành mảnh đất dung nạp những phần tử không tốt « trốn việc quan đi ở chùa », là chỗ tụ tập những bọn phản loạn chống đối triều đình, và trước hết, theo họ Phật giáo là công cụ nhiễu hại phong hóa dân tộc, là phá hoại chế độ luân lý xã hội.

Giáo lý của đạo Phật trái với đạo « tu tề trị bình » của Khổng Mạnh, cho nên những người tôn thờ Nho giáo không thể quan niệm nổi « muốn trị lòng mình mà lại đứng ra ngoài thiên hạ, ra ngoài nước ngoài nhà, diệt bỏ những tính tự nhiên của mình, làm con không thờ cha, làm bề tôi mà lại không thờ vua, làm ân mà lại không chăm lo việc của mình » (1).

Thấm nhuần tư tưởng đạo đức Nho giáo, Bùi Dương Lịch luôn luôn nghĩ đến đạo « trung hiếu », cho nên ông không thể nào dung dưỡng nổi cái lối hành đạo của Phật giáo, tức là bỏ bà con, cha mẹ, anh em để đi tu, chẳng thờ cúng tổ tiên gì nữa. Họ Bùi càng không quan niệm được rằng, đi tu, qui y đầu Phật để phải « tuyệt tự », không còn người nối dõi tông đường, thì đó là một tội lớn nhất trong ba tội — « bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại » như thánh Khổng đã dạy! Hơn nữa, việc bài bác Phật giáo của ông không phải chỉ dừng lại ở mức phê phán đạo đức, chính trị, xã hội như các nhà nho trước kia đã phê phán, mà so ngay với cả một số

(1) Hàn Dũ: *Nguyên Đạo*. Trích theo Lã Chấn Vũ: *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc*. Bản dịch của Trần Văn Tấn. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1964, tr. 511

nhà Nho sống gần đồng thời có tư tưởng chống Phật giáo như Phạm Nguyễn Du, Phạm Quí Thích, hay so với cả nhà nho ở thế kỷ XIX như Nguyễn Đức Đạt, thì ông cũng vượt họ rất xa. Như phần trên đã giới thiệu, ông là người phủ nhận linh hồn tồn tại độc lập ngoài thể xác, phủ nhận thế giới linh hồn. Ông nói linh hồn chẳng qua là « khí » của hình hài mà thôi. Không có thế giới linh hồn đáng thương và đáng sợ, không có cái thế giới quỷ thần có thể phù hộ cho con người hoặc có thể đọa đầy con người bằng tai ương dịch lệ, việc chạy đàn, cầu phúc trừ họa là vô nghĩa. Vẫn với lý luận *khí nhất nguyên*, với quan niệm nguồn gốc vũ trụ là *nguyên khí*, Bùi Dương Lịch đã nhằm thẳng vào thế giới quan duy tâm lấy « tâm pháp khởi diệt thiên địa » của Phật giáo mà phê phán. (Phật giáo cho rằng sự sinh diệt của trời đất đều tự lòng mình mà ra cả). Ông cho rằng cái thuyết hư vô tịch diệt của Phật giáo là hoang đường, là không thể tin được. Để diễn giải ý của ông ở trong bài biện luận, theo cách nói của chúng ta ngày nay thì, con người ta sinh ra hay chết đi đều theo một quá trình vận động vật lý và sinh lý, không có sự di chuyển linh hồn từ thế giới bên này qua thế giới bên kia, không có ma quỉ, không có thần thánh gì hết. Người ta sinh ra là do khí của người kết hợp được với khí của trời đất và chết đi là do khí đó tan biến đi trong quá trình vận động. Đó là qui luật khách quan, chứ không phải như Phật giáo đã dùng sự sinh diệt của tâm để qui định sự sinh diệt của trời đất, của vạn vật. Vì vậy, theo Bùi Dương Lịch, sự nhận thức thị phi, đúng sai là điều hết sức quan trọng, biết cho đúng, cho rõ mới là hiểu thấu đạo thánh hiền, biết không đúng không rõ thì thực hiện sai đạo thống của thánh hiền. Bùi Dương Lịch kết luận bài tranh biện của mình với Nguyễn Thiếp rằng : « Từng thấy Nguyễn Hạnh Am (tức

Nguyễn Thiếp) ghi: «sinh sau các bậc tiên nho Chu, Trình, Trương, Chu thì đạo lo bất hành, chứ không lo bất minh». Nay xem bài thơ vịnh núi này, thì ta lại được biết bất hành vốn phải lo, nhưng cái lo bất minh lại ở trước cái lo bất hành» (1).

☆

Trên đây là những quan điểm có ý nghĩa triết học trong bài *núi Kim Nhan* của Bùi Dương Lịch. Rõ ràng là tư tưởng của ông có mang ít nhiều yếu tố duy vật và biện chứng. Những tư tưởng đó, về cơ bản cũng không vượt quá tư tưởng của *kinh Dịch*, của các tiên nho đời Tống như Chu Đôn Di, Trương Tải. Ở Bùi Dương Lịch vẫn còn rất nhiều mặt hạn chế bắt nguồn từ trong hệ thống lý luận gốc mà ông học tập được. Như nói vạn vật vận động, song vận động ở đây là vận động tuần hoàn của *Dịch* học, vận động «âm dương tiêu trưởng, đắp đổi lẫn nhau», chứ không phải là vận động từ thấp lên cao, vận động xoáy trôn ốc như khoa học ngày nay đã chứng minh. Tư tưởng biện chứng của ông còn rất xa lạ với phép biện chứng khoa học. Hoặc là, như khi đối lập Nho giáo với Phật giáo và Đạo giáo, ông đã tuyệt đối hóa đến mức «chỉ có đạo Thánh là mài không mòn, bôi không nhọ mà thôi», thì đó cũng lại là một tư tưởng cực đoan, và cũng chứng tỏ là ông chưa khách quan nhận xét tận gốc học thuyết Khổng Mạnh. Vì thực ra chính Khổng Mạnh cũng lấy cái *tâm* làm bản, vạn vật thế giới đều có đủ ở trong tâm! Ngay bản thân Bùi Dương Lịch cũng có lúc đã viện dẫn đến cái gọi là «thiên mệnh» ở một số trường hợp để xử lý vấn đề gặp phải. Đôi lúc, trời của Bùi Dương Lịch cũng có

(1) Bùi Dương Lịch. Bài *núi Kim Nhan*. Tài liệu đã dẫn.

ý chí như con người, cũng muốn cảnh cáo đế vương bằng những tai dị (như ở cuối đoạn nói về « dải hồng quang » rằng: « đương lúc quốc gia có tai nạn, việc người phát động ở dưới, đạo trời trưng triệu ở trên: sao sa khi độc cảnh giới cho biết trước » (1). Về mâu thuẫn này, trước đây có nhà nghiên cứu đã nói là: « Bùi Dương Lịch đã nhượng bộ chút ít cho lòng tin quỷ thần phổ biến lúc ấy, tuy ông cũng cắt nghĩa ma quỷ bằng khí âm dương và cho nó một cuộc sống ngẫu nhiên ngắn ngủi ». (1). Thực ra thì đấy là một biểu hiện về ảnh hưởng tư tưởng « thiên nhân cảm ứng » của Đổng Trọng Thư đối với Bùi Dương Lịch, cũng là một sự phát triển của học thuyết Khổng tử mà Bùi Dương Lịch không thể nào không có ít nhiều tiếp thu nó.

Quan điểm tự nhiên của ông cũng do chịu ảnh hưởng ấy nên có nhiều hạn chế. Điều đó cho chúng ta thấy rằng, tư tưởng triết học, tư tưởng khoa học không thể nào tiến triển được, nếu các nhà trí thức Việt Nam không vượt ra khỏi sự ràng buộc về địa vị giai cấp thống trị và phá vỡ được khuôn khổ của Nho giáo.

Tuy vậy, như ta thấy, bài biện thuyết về *Núi Kim Nhan* này đã vượt ra ngoài phạm vi một cuộc « biện luận » giữa hai cá nhân Bùi Dương Lịch và Nguyễn Thiếp, nó có một ý nghĩa triết học, ý nghĩa thời đại nhất định, mà môn lịch sử tư tưởng có nhiệm vụ phải đi sâu tìm hiểu (2).

Chúng ta đều biết rằng, tình hình chính trị xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đã trở nên hết sức phức tạp. Thù trong giặc ngoài liên tiếp diễn ra. Khắp nơi bất an.

---

(1) Xem Trần Văn Giàu: *Thiên đạo quan của triều đình và của nhà Nho trong thời Nguyễn*. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 120 Tháng 3-1969.

(2) Về tư tưởng Bùi Dương Lịch, chúng tôi sẽ có một bài nghiên cứu tương đối toàn diện hơn.

Thế sự đảo điên, đến nỗi « có người làm đại tướng thống lĩnh cả một đoàn đại binh, tính mạng nghìn vạn người cầm ở trong tay, thế mà một sớm bị một tiểu tốt giết chết ! » (1). Đưa ra nhận xét chua chát ấy ngay trong bài biện thuyết của mình, ít nhiều Bùi Dương Lịch đã ý thức được sự bất lực của giai cấp thống trị, của giới nho sĩ xưa nay vẫn hằng tôn thờ chính thống, giữ đạo vua tôi như ông. Thời đại đặt ra cho họ, cho những người như Bùi Dương Lịch vấn đề « chọn đường đi ». Bấy giờ, cả Nguyễn Thiếp lẫn Bùi Dương Lịch vốn đều là quan chức, là cựu thần của nhà Lê, nhưng khi Lê Chiêu Thống chạy sang Trung quốc, họ không thể quay lưng lại với quyền lợi của dân tộc, tinh thần dân tộc không cho phép họ tòng vong theo tên vua bán nước ấy. Họ sẽ đi theo phong trào Tây-sơn chăng ? Lập trường tư tưởng tôn phù chính thống và quyền lợi giai cấp cũng không cho phép họ nhiệt tình đi với phong trào nông dân cách mạng. Cuối cùng họ bất đắc dĩ phải cộng tác với triều đại Tây-sơn, nhưng cũng chỉ ở trong chừng mực nhất định như biên dịch, chú thích sách thánh hiền để phổ biến đạo nghĩa của Nho gia mà thôi. Tây sơn thất bại, họ lại thấy bế tắc hơn. Sự suy nghĩ của một số không ít trí thức phong kiến lúc này đã « hòa vào trạng thái hỗn hợp của mọi thứ tư tưởng của thời đại ». Họ theo Phật, tu tiên, luyện đan, bói toán, phong thủy v.v.. và trong số này có Nguyễn Thiếp. Một số nhà nho khác lại chủ trương « tam giáo nhất nguyên » như Ngô Thì Sĩ, Trịnh Huệ (2). Còn lại một số không ít các nhà nho nữa vẫn khư khư giữ đạo chính

(1) Bùi Dương Lịch : Bài *Núi Kim Nhan.* Tài liệu đã dẫn.
(2) Trịnh Huệ tức Trịnh Chuyết Phu đỗ trạng nguyên đời Lê, tác giả sách *Tam giáo nhất nguyên thuyết.*

thống của nho giáo, ra sức bài bác các thứ dị giáo. Đó tức là Bùi Huy Bích, Phạm Nguyễn Du, Phạm Qúy Thích... và nhất là Bùi Dương Lịch.

Do chỗ có đi sâu tìm hiểu học hỏi thêm các kiến thức bác vật của Tống nho, của Trung-quốc và của Tây dương thời bấy giờ, nên Bùi Dương Lịch đã có được một số kiến giải có ít nhiều khoa học tiến bộ như khi biện thuyết với Nguyễn Thiếp về núi Kim Nhan (và về thiên văn, địa lý v.v... trong sách *Nghệ An ký*). Thực ra thì việc có một số nhà nho đi vào cái học « bác vật » kiểu Bùi Dương Lịch, cũng phản ánh một tình hình thực tế của các nhà nho khi ấy có khuynh hướng đi tìm một lối thoát bằng con đường khảo cứu sách vở, tìm hiểu « khoa học mới ». Và trong tình hình sinh hoạt tư tưởng và văn hóa của nước ta cuối thế kỷ XVIII, số nhà nho đi vào con đường này đã đạt được những kết quả nhất định. Đó là Lê Hữu Trác, với tinh thần độc lập sáng tạo trong nghiên cứu y học, trong sự vận dụng quan niệm về sự nhất trí giữa con người và môi trường, đã đạt được những thành tựu rực rỡ về y học và nêu một tấm gương sáng về « y đạo », về chữa bệnh cứu người. Những người khác như Phạm Nguyễn Du, Trần Danh Án, Bùi Huy Bích lại « hứng thú » đi vào sưu tầm, biên soạn, chú thích, khảo chứng một số sách kinh điển nho giáo hoặc thơ văn Việt Nam qua các triều đại..., chứng tỏ họ đã bắt đầu tiếp thu ảnh hưởng một môn khoa học của nhà Thanh (Trung Quốc), tức là môn « Văn bản học », « khảo chứng học ». Về mặt này họ cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định, để lại những tài liệu tham khảo nghiên cứu cho đời sau. Còn Bùi Dương Lịch thì có mấy công trình biên soạn địa lý lịch sử như *An Hội thôn chí*, *Nghệ An ký*, trong đó khi trình bày các hiện tượng tự nhiên đều dựa vào thuyết « nhất khí », vào lẽ « âm dương tuần hoàn », đồng thời

có tham khảo cả thuyết « hoàn cảnh địa lý » của khoa học phương Tây... cũng đã đạt được những tiến bộ nhất định. Ông đã vận dụng những thuyết ấy để biện thuyết với Nguyễn Thiếp và các nhà nho đương thời về những quan điểm thần bí dị đoan. Riêng bài *Núi Kim Nhan* này, Bùi Dương Lịch quả đã giáng một đòn trực tiếp vào những tư tưởng duy tâm, phản khoa học đương thời. Những tư tưởng này góp phần làm phong phú cho lịch sử tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX.